|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO 15.8.2023** |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư* *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 như sau:

"a) Có GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 12 tháng trở lên;"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 10 như sau:

"a) Có GCNKNCM máy trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề máy trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên;"

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 11 như sau:

"a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhất đủ 24 tháng trở lên;"

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 12 như sau:

"a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhất đủ 18 tháng trở lên;"

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng từ hạng nhì trở lên;”

b) Bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trên cơ sở đề xuất của các Sở Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải phân cấp cho các Sở Giao thông vận tải thực hiện thẩm quyền tổ chức thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt quy định tại khoản 1, Điều 7 của Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày khai giảng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này:

a) Danh sách học viên đủ điều kiện dự học (Báo cáo số 1) do người đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch đào tạo của toàn khóa học theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Sau khi kết thúc khóa học, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này:

a) Kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2) do người đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với CCCM, trong thời hạn 10 ngày, trước khi tổ chức kiểm tra cấp CCCM, cơ sở đào tạo báo cáo bằng văn bản về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này để giám sát các kỳ kiểm tra; đối với CCCM đặc biệt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 của Thông tư này, sau khi có kết quả kiểm tra của học viên, cơ sở đào tạo gửi kết quả kiểm tra về cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này để ra Quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp CCCM đặc biệt.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra rà soát hồ sơ dự học, thi, kiểm tra của thí sinh; niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tại các phòng thi, kiểm tra; thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra phải có đủ số điểm kiểm tra các môn học, mô - đun theo chương trình đào tạo đạt yêu cầu và có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định trong hồ sơ dự học, thi, kiểm tra của thí sinh.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 11 như sau:

“5. Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy thi, kiểm tra cho thành viên ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và người dự thi, kiểm tra.”

6. Bổ sung Điều 11b như sau:

“**Điều 11b. Giám sát kỳ thi, kiểm tra**

1. Căn cứ kế hoạch tổ chức hội đồng thi cấp GCNKNCM hoặc báo cáo của cơ sở đào tạo về kế hoạch tổ chức kiểm tra cấp CCCM, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này cử cán bộ giám sát hội đồng thi, kiểm tra.

2. Nhiệm vụ của cán bộ giám sát kỳ thi, kiểm tra

a) Thực hiện giám sát hội đồng thi, kiểm tra bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch;

b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự thi trước khi vào phòng thi; người không có nhiệm vụ không được vào phòng thi;

c) Giám sát phương tiện thi, kiểm tra đảm bảo điều kiện hoạt động, đúng hạng GCNKNCM của người dự thi, kiểm tra;

d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không làm thay nhiệm vụ của cán bộ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra.

3. Quyền hạn của người giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng thi, kiểm tra xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này để xem xét, xử lý.

4. Kết thúc kỳ thi, kiểm tra, cán bộ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 như sau:

"2. Đối với môn thi lý thuyết tổng hợp:

a) Hình thức thi, kiểm tra: trắc nghiệm trên máy vi tính đối với các đô thị từ loại 2 trở lên, các địa bàn khác thực hiện trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy vi tính;

b) Thời gian thi, kiểm tra: tối đa 45 phút;"

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 15 như sau:

“a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 17

"đ) Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy phương tiện thủy nội địa và được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển;"

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 2 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Bảng kết quả kiểm tra các môn học;”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Các tài liệu, sổ sách, dữ liệu có liên quan đến việc tổ chức giảng dạy, học tập, gồm: sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án lên lớp, các bài kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"**Điều 26. Thẩm quyền xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra**

1. Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra đình chỉ thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25 của Thông tư này và báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này xử lý sau khi kết thúc kỳ thi, kiểm tra.

2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Thông tư này thực hiện xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này."

15. Bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

“3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Sở Giao thông vận tải được phân cấp thực hiện thẩm quyền tại khoản 1, Điều 7 của Thông tư này chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết về nhân lực, cơ sở vật chất, và triển khai tổ chức thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ ngày 01/01/2025. Trường hợp Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này thì có văn bản đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp tục thực hiện.”

16. Bổ sung điểm h khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 29 như sau:

a) Bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

"h) Xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm dùng cho thi, kiểm tra môn lý thuyết tổng hợp và hướng dẫn thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước."

b) Bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu, đảm bảo chất lượng theo quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi, kiểm tra của các thí sinh."

17. Bổ sung Phụ lục I: Danh sách các địa phương được phân cấp tổ chức thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa kèm theo Thông tư này.

18. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục IV, Phụ lục VIII, Phụ lục XII, Phụ lục XIII, Phụ lục XIV Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT bằng Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND các tỉnh, thành phố thuộc TW; - Các Thứ trưởng; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT; - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT; - Lưu: VT, VTải (05). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |

**PHỤ LỤC I**

**DANH SÁCH SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỢC PHÂN CẤP TỔ CHỨC THI, RA QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT, HẠNG NHÌ; QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI CHUYỂN ĐỔI CCCM ĐẶC BIỆT**

**KỂ TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Tên Sở Giao thông vận tải** |
| 1 | Sở Giao thông vận tải…. |
| 2 | Sở Giao thông vận tải…. |
| 3 | Sở Giao thông vận tải…. |
| … |  |
|  |  |
|  |  |

**PHỤ LỤC II**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **CƠ QUAN BÁO CÁO** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | **Báo cáo số 1:**  **Thời gian học:..........**  **Khai giảng ngày:......**  **Bế giảng ngày:..........** |

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NGÀY SINH** | **NƠI CƯ TRÚ** | **SỐ CCCD (CMND, HỘ CHIẾU)** | **TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ(\*)** | **SỐ/HẠNG/LOẠI GCNKNCM, CCCM CŨ, NGÀY CẤP** | **THỜI GIAN NGHIỆP VỤ** | **DỰ THI, KIỂM TRA LẤY GCNKNCM, CCCM** | **GHI CHÚ** |
| **1** | Theo thứ tự abc(**\*\*)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ....., ngày.....tháng.....năm..... |
|  |  | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* |

*(****\*)*** *Chỉ áp dụng với trường hợp dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).*

*(****\*\*)*** *Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.*

**PHỤ LỤC III**

**KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **CƠ QUAN BÁO CÁO** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | **Báo cáo số 2:**  **Thời gian học:............**  **Khai giảng ngày:........**  **Bế giảng ngày:............** |

**KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NGÀY**  **SINH** | **NƠI CƯ TRÚ** | **SỐ CCCD (CMND,HỘ CHIẾU)** | **ĐIỂM THI, KIỂM TRA CÁC MÔN** | | | | | | | **KẾT QUẢ** | | **GHI CHÚ** |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | **Đạt** | **Không**  **đạt** |
| **1** | Theo thứ tự ABC |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ....., ngày.....tháng.....năm..... |
|  |  | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* |

**PHỤ LỤC IV**

###### TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP  **HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA…** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | **Báo cáo số 3:**  **Thời gian học:...................**  **Khai giảng ngày:...............**  **Bế giảng ngày:...................** |

###### TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **NGÀY SINH** | **NƠI CƯ TRÚ** | **SỐ CCCD (CMND, HỘ CHIẾU)** | **ĐIỂM THI, KIỂM TRA CÁC MÔN** | | | | | **KẾT QUẢ** | | **LOẠI GCNKNCM,**  **CCCM** | **GHI CHÚ** |
| *…* | *…* | *…* | *…* | *…* | **Đỗ** | **Không**  **đỗ** |
| **1** | Theo thứ tự abc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ......, ngày......tháng......năm...... |
| **THƯ KÝ**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |  | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**PHỤ LỤC V**

**SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI**

**GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI**

## GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng/loại GCNKNCM/CCCM(\*)** | **SỐ GCNKNCM/CCCM** | **Cấp lần đầu** | **Có giá trị đến** | **Số Seri** | **Họ và tên** | | **Ngày sinh** | **Nơi cư trú** | **Số CCCD (CMND, HỘ CHIẾU)** | **Ảnh** | **Số GCNKNCM/CCCM cũ** | **Ký nhận ngày cấp** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | | ***7*** | ***8*** | ***9*** | ***10*** | ***11*** | ***12*** |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |
| ***(\*)Chú thích:* Hạng/loại GCNKNCM/CCCM:**  T1: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất.  T2: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì.  T3: GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.  T4: GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.  M1: GCNKNCM máy trưởng hạng nhất.  M2: GCNKNCM máy trưởng hạng nhì.  M3: GCNKNCM máy trưởn.g hạng ba.  ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản. | | | | | | | TT: chứng chỉ thủy thủ.  TM: chứng chỉ thợ máy.  LPT: chứng chỉ lái phương tiện.  ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.  ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.  ATVB: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.  ATXD: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.  ATHC: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.  ATKHL: Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.  GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về Giao thông đường thuỷ nội địa. | | | | | | | |

**BÌA SỔ**

*(Bìa cứng dán gáy, dán góc bằng vải xanh)*

**SỔ**

**CẤP, CẤP LẠI,**

**CHUYỂN ĐỔI**

**GCNKNCM, CCCM**

**PTTNĐ**

***Quyển số:....................***

**Phụ lục VI**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA…** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:………./QĐ-HĐT, KT | *....., ngày......tháng..... năm 20.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn**

**phương tiện thủy nội địa**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA**

**Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng,**

**chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

Căn cứ Thông tư số…....../TT-BGTVT ngày….../…..../20… của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..../...../…...của.....về việc thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thuỷ nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.............tổ chức ngày….tháng….năm…. tại......(có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng thi, kiểm tra, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu HĐT, KT. | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* |

**BAN COI THI, CHẤM THI, COI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM**

**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐT, KT ngày...../...../20.....của Hội đồng thi, kiểm tra)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC VỤ**  **ĐƠN VỊ CÔNG TÁC** | **CHỨC DANH TRONG**  **BAN COI THI, CHẤM THI** |
| **1** |  |  | Trưởng ban |
| **2** |  |  | Phó Trưởng ban |
| **3** |  |  | Thành viên |
| **4** |  |  | Thành viên |
| **5** |  |  | Thành viên |
| **...** |  |  | … |

**PHỤ LỤC VII**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp) ………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:……………….……………………………………………………………

Sinh ngày…….tháng…….năm…………………………….....……………………..

Nơi cư trú(\*\*):……...…………………………………………………....……………

Điện thoại: ..............................................; Email: .......................................................

Số CCCD (hoặc CMND, Hộ chiếu):….......................................................................

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………....…, khóa:……., Trường:……......…...………,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:…………..ngày…...tháng.....năm……...............

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Xét cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………………...

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

*(\*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng.*

*(\*\*) Đối với hồ sơ cấp lại GCNKNCM, CCCM (do mất, đổi): không phải khai thông tin về CCCD, CMND.*